

Số: 81/2020/QĐST-HN&GD

Đồng Xoài, ngày 15 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212; 213; 2017 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HN&GD ngày 08 tháng 01 năm 2020 về *“Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”*.

XÉT THẤY:

- Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
- Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 404/4A, đường QT, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.
- 2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A:** Luật sư Nguyễn Châu B, thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.
- 3. Bị đơn:** Ông Đào Văn C, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 356, khu phố 2, phường TĐ, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- 4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**
 - Bà Dương Thị D, sinh năm 1939; nơi cư trú: khu phố 2, phường TĐ, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (bà Dương Thị D ủy quyền cho ông Hoàng Minh Đ, sinh năm: 1975 tham gia tố tụng).
 - Công ty TNHH Tuấn C; trụ sở: khu phố 2, phường TĐ, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn C, chức vụ: Giám đốc.
 - Công ty Dịch vụ MobiFone Khu vực 8, trụ sở: 22/8 đường NAQ, phường QV, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Văn F, chức vụ: Giám đốc (ông Đặng Văn F ủy quyền cho ông Phạm Phương G, chức vụ: Giám đốc MobiFone chi nhánh tỉnh Bình Phước tham gia tố tụng).

- **Văn phòng Công chứng Bình Phước**; trụ sở: đường HV, khu phố TB, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: **ông Nguyễn Thanh H**, chức vụ: Trưởng Văn phòng (**ông Nguyễn Thanh H ủy quyền cho ông Nguyễn Trường I**, sinh năm 1992; nơi cư trú: *ấp 3, phường TT, thành phố Đồng Xoài tham gia tố tụng*).

- **Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước**; trụ sở: đường Quốc lộ 14, phường TP, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: **ông Võ K**, chức vụ: Giám đốc (**ông Võ K ủy quyền cho ông Nguyễn Duy L**, sinh năm 1978, chức vụ: *Phó phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước Tham gia tố tụng*).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Đào Văn C phải có trách nhiệm giao lại toàn bộ tài sản là phần đất thuộc các thửa số 102,102a,102b; tờ bản đồ số 41 với diện tích là 279 m²; tọa lạc tại số 218 (*nay là số 1097*), đường PRĐ, phường TB, thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước. Trên phần đất có 01căn nhà cấp 3 (*04 tầng lầu*) với diện tích xây dựng là 203,20 m²; diện tích sử dụng là 619,55 m² thuộc quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Phương A theo giấy chứng nhận QSDĐ số 010062 ngày 13 tháng 11 năm 2002, đã thay đổi về chủ (*nội dung thay đổi và tên chủ mới*) ngày 21 tháng 4 năm 2017, có nội dung “ *Tặng cho bà Nguyễn Thị Phương A; sinh năm 1988, CMND số 285404444; Địa chỉ:khu phố 2, phường TĐ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước*” để bà Nguyễn Thị Phương A sử dụng. Thời hạn bàn giao tài sản là ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự này có hiệu lực pháp luật (*tức là ngày 15 tháng 5 năm 2020*).

2. Sau khi nhận được tài sản bàn giao từ ông Đào Văn C, bà Nguyễn Thị Phương A có toàn quyền quản lý, sử dụng hoặc cho thuê tài sản, được tự mình định đoạt toàn bộ số tiền hoa lợi thu được từ việc cho thuê tài sản (*nếu có*) để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho bản thân và các con gồm Đào Nguyễn Phương M, Đào Nguyễn Ngọc N. Bà Nguyễn Thị Phương A không được sử dụng tài sản như đã viện dẫn vào việc chuyển nhượng, cho tặng, thế chấp vay tiền, góp vốn đầu tư ... Đến ngày 20 tháng 7 năm 2032 (*tức là ngày cháu Đào Nguyễn Ngọc N đã tròn 18 tuổi*) thì bà Nguyễn Thị Phương A phải có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất này cho các con là Đào Nguyễn Phương M, Đào Nguyễn Ngọc N, mỗi cháu ½ khối tài sản.

3. Sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự này có hiệu lực pháp luật, ông Đào Văn C phải có trách nhiệm thực hiện các khoản thuế cho Nhà nước trong việc cho thuê tài sản và xuất hóa đơn thuế GTGT cho Công ty dịch vụ MobiFone Khu vực 8. Đồng thời, Công ty dịch vụ MobiFone Khu vực 8 phải có trách nhiệm chi trả số tiền thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 11/HĐ/MBIFONE8-TCHC lập ngày 20 tháng 02 năm 2016 còn dư nợ lại của năm 2018 là 840.000.000 đồng (*tám trăm bốn mươi triệu đồng*) cho ông Đào Văn C và bà Nguyễn Thị Phương A. Trong đó, trả cho ông Đào Văn C số tiền 522.000.000 đồng (*năm trăm hai mươi hai triệu đồng*) và trả cho bà Nguyễn Thị Phương A số tiền là 318.000.000 đồng (*ba trăm mười tám triệu đồng*).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện do bà Nguyễn Thị Phương A tự nguyện rút. Cụ thể như sau:

- Yêu cầu được đứng tên trong hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty dịch vụ Mobiphone khu vực 8.

- Yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ khoản tiền thu từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 11/HĐ/MOBIFONE8-TCHC ngày 20 tháng 02 năm 2016 ký giữa ông Đào Văn C, bà Nguyễn Thị Phương A và Công ty dịch vụ Mobiphone khu vực 8 từ tháng 03 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017 và toàn bộ tiền thuê nhà từ tháng 5 năm 2017 đến thời điểm thanh lý hợp đồng tạm tính là 1 tỷ 890 triệu đồng.

- Yêu cầu xác định phần góp vốn đứng tên ông Đào Văn C vào Công ty TNHH Tuấn C ở lần đăng ký thay đổi lần thứ 06 trị giá 16.500.000.000 đồng và lợi nhuận thu được từ phần góp vốn nêu trên là tài sản chung của ông Đào Văn C và bà Nguyễn Thị Phương A. Đồng thời, công nhận cho bà Nguyễn Thị Phương A được hưởng $\frac{1}{2}$ khoản góp vốn này.

- Yêu cầu thừa đất có diện tích 398,8m², tọa lạc tại tổ 5, khu phố 2, phường TĐ, thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 651331, sổ vào sổ cấp GCN: CH 4220/QSĐĐ ngày 29 tháng 8 năm 2012 cho ông Đào Văn C.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*mã số doanh nghiệp 3800287879, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31 tháng 7 năm 2017*) do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH Tuấn C.

5. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của bà Dương Thị D do ông Hoàng Minh Đ làm đại diện theo ủy quyền đã tự nguyện rút. Cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Đào Văn C và bà Nguyễn Thị Phương A là vô hiệu. Công nhận phần góp vốn đối với tài sản này cho bà Dương Thị D theo tỷ lệ vốn góp là 96% Dong đương 8.000.000.000 đồng.

6. Án phí HN&GD sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đào Văn C phải nộp là 13.050.000 đồng (*mười ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Phương A phải nộp là 7.950.000 đồng (*bảy triệu chín trăm năm*

mười ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Phương A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.000.000 đồng (*sáu mươi ba triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000107, quyền số 0003, ký hiệu BB/2017 ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương A số tiền còn lại 55.050.000 đồng (*năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) và số tiền tạm ứng án phí khởi kiện bổ sung đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001163, quyền số 0024, ký hiệu BB/2017 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bà Dương Thị D không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà Dương Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000337, quyền số 0007, ký hiệu BB/2017 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài (*nay là thành phố Đồng Xoài*), tỉnh Bình Phước.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án-VP.

THẨM PHÁN

Văn Phú Vinh